

TCVN 7515 : 2005

Xuất bản lần 1

**YÊU CẦU ĐỂ THIẾT LẬP
CÁC VÙNG KHÔNG NHIỄM DỊCH HẠI**

Requirements for the establishment of pest free areas

HÀ NỘI – 2008

Lời nói đầu

TCVN 7515 : 2005 tương đương có sửa đổi ISPM No.4 : 1996 (Tiêu chuẩn Quốc tế về các biện pháp Kiểm dịch thực vật);

TCVN 7515 : 2005 do Tiểu ban kỹ thuật tiêu chuẩn TCVN/TC/F7/SC1 *Kiểm dịch thực vật* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Yêu cầu để thiết lập các vùng không nhiễm dịch hại

Requirements for the establishment of pest free areas

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu để thiết lập và sử dụng các vùng không nhiễm dịch hại (VKNDH) như một giải pháp quản lý nguy cơ cho việc chứng nhận kiểm dịch thực vật (KDTV) đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể thuộc diện KDTV khác xuất khẩu từ VKNDH hoặc để hỗ trợ cho việc chứng minh khoa học đối với các biện pháp KDTV được một nước nhập khẩu áp dụng nhằm bảo vệ một VKNDH bị đe dọa.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau là rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi.

TCVN 3937, Kiểm dịch thực vật – Thuật ngữ và định nghĩa.

TCVN 6907 : 2001, Các nguyên tắc kiểm dịch thực vật liên quan đến thương mại quốc tế.

TCVN 6908 : 2001, Biện pháp kiểm dịch thực vật – Phần 1: Những quy định về nhập khẩu – Hướng dẫn phân tích nguy cơ dịch hại.

TCVN 7516 : 2005, Hướng dẫn giám sát dịch hại.

International Plant Protection Convention, 1992. FAO, Rome (Công ước Quốc tế về bảo vệ thực vật, 1992, Tổ chức nông lương thế giới, Roma).

Agreement on the Application of Sanitary and Phytosanitary Measures, 1994. World trade organization, Geneva 9 (Hiệp định về việc áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật, 1994. Tổ chức thương mại thế giới, Geneva).

3 Thuật ngữ và chữ viết tắt

3.1

vùng (area)

một quốc gia, một địa phận của một quốc gia, hoặc toàn bộ hoặc nhiều địa phận của một số quốc gia được công nhận chính thức.

3.2

điều tra khoanh vùng (delimiting survey)

điều tra để thiết lập phạm vi của một vùng được xem là nhiễm hoặc không nhiễm một loài dịch hại.

3.3

điều tra phát hiện (detection survey)

điều tra để xác định sự có mặt của dịch hại trong một vùng.

3.4

IPPC

chữ viết tắt của Công ước Quốc tế về bảo vệ thực vật được qui định năm 1951 bởi Tổ chức nông lương thế giới tại Roma và được sửa đổi tiếp.

3.5

điều tra theo dõi (monitoring survey)

điều tra thường xuyên để xác định đặc điểm của một quần thể dịch hại.

3.6

tổ chức bảo vệ thực vật quốc gia (TCBVTVQG) [National Plant Protection Organization (NPPO)]

cơ quan chính thức được Chính phủ thành lập để thực hiện những nhiệm vụ được quy định bởi Công ước quốc tế về bảo vệ thực vật (IPPC).

3.7

cơ quan chính thức (official)

được tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia thành lập, ủy quyền hoặc thực hiện.

3.8

dịch hại (pest)

bất cứ loài, chủng hoặc dạng sinh học thực vật, động vật hoặc vi sinh vật gây hại cho thực vật hoặc sản phẩm thực vật.

3.9

vùng không nhiễm dịch hại (VKNDH) [(pest free area (PFA)]

một vùng mà ở đó một loài dịch hại cụ thể không xuất hiện khi được chứng minh bằng các bằng chứng khoa học, và ở những nơi thích hợp các điều kiện này sẽ được duy trì một cách chính thức.

3.10**biện pháp KDTV** (phytosanitary measure)

luật pháp, qui định hoặc quy trình chính thức nhằm mục đích ngăn ngừa sự du nhập và/hoặc lan rộng của đối tượng KDTV.

3.11**quy định KDTV** (phytosanitary regulation)

luật lệ chính thức nhằm ngăn ngừa sự du nhập và/hoặc lan rộng của đối tượng KDTV bằng việc kiểm soát sản xuất, vận chuyển, hoặc lưu trữ hàng hoá, hoặc các vật thể khác hoặc hoạt động bình thường của con người, và bằng thiết lập qui trình chứng nhận KDTV.

3.12**điều tra** (survey)

phương pháp qui chuẩn đã thực hiện qua một chu kỳ thời gian cụ thể để xác định các đặc điểm của một quần thể dịch hại hoặc xác định loài dịch hại xuất hiện trong một vùng.

4 Khái quát về các yêu cầu

Một "vùng không nhiễm dịch hại" là: "một vùng mà ở đó một loài dịch hại cụ thể không xuất hiện khi được chứng minh bằng các bằng chứng khoa học, và ở những nơi thích hợp các điều kiện này sẽ được duy trì một cách chính thức."

TCBVTVQG thiết lập và sử dụng một VKNDH cho việc xuất khẩu các thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể quy định khác từ quốc gia mà trong đó vùng được xác định (nước xuất khẩu) tới nước khác (nước nhập khẩu) không cần thiết phải áp dụng thêm các biện pháp KDTV khi các yêu cầu được đáp ứng một cách chính xác. Như vậy, tình trạng không nhiễm dịch hại của một vùng có thể được sử dụng như là cơ sở cho việc chứng nhận KDTV đối với các thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể thuộc diện KDTV khác liên quan đến các loài dịch hại đã công bố. Điều này cũng cung cấp như một yếu tố trong đánh giá nguy cơ dịch hại, việc khẳng định dựa trên cơ sở khoa học về việc công bố không có dịch hại xác định từ một vùng. Khi đó VKNDH là một yếu tố trong việc chứng minh các biện pháp KDTV được nước nhập khẩu áp dụng để bảo vệ một vùng bị đe dọa.

Mặc dù thuật ngữ "vùng không nhiễm dịch hại" bao gồm toàn bộ các kiểu (từ toàn bộ một quốc gia không nhiễm dịch hại đến một vùng nhỏ không nhiễm dịch hại nhưng lại nằm trong một quốc gia mà dịch hại đó là phổ biến), điều này thuận lợi cho việc thảo luận các yêu cầu đối với VKNDH bằng việc xác định ba kiểu sau:

- toàn bộ một quốc gia.
- một địa phận không nhiễm dịch của một quốc gia trong đó tồn tại một vùng nhiễm dịch hạn chế.
- một địa phận của một quốc gia không nhiễm dịch hại nằm trong một vùng bị nhiễm dịch chung.

TCVN 7515 : 2005

Trong từng trường hợp đó, VKNDH có thể, ở những thích hợp, liên quan đến tất cả hoặc một địa phận của nhiều quốc gia.

Ba phần chính hoặc giai đoạn chính được xem xét để thiết lập và duy trì liên tục một VKNDH:

- hệ thống thiết lập VKNDH
- biện pháp KDTV để duy trì VKNDH
- kiểm tra để xác minh VKNDH được duy trì.

Bản chất của các phần này sẽ thay đổi theo đặc tính sinh học của dịch hại, loại dịch hại và các đặc điểm của VKNDH và yêu cầu về mức độ an toàn KDTV, dựa vào sự phân tích nguy cơ dịch hại. Phương pháp sử dụng để đạt được các phần này có thể bao gồm:

- tập hợp số liệu
- điều tra (khoanh vùng, phát hiện, theo dõi)
- kiểm soát bằng quy định
- thanh tra (rà soát và đánh giá)
- tài liệu (báo cáo, kế hoạch công tác).

5 Yêu cầu chung đối với các VKNDH

5.1 Xác định một VKNDH

Việc khoanh vùng đối với một VKNDH phải căn cứ vào đặc tính sinh học của dịch hại liên quan. Điều này sẽ ảnh hưởng đến phạm vi mà ở đó có thể xác định một VKNDH và ranh giới có thể được khoanh vùng. Về nguyên tắc, VKNDH nên được giới hạn trong mối liên hệ mật thiết đến sự xuất hiện của dịch hại, tuy nhiên, trong thực tế, VKNDH thường được giới hạn bằng các ranh giới sẵn được công nhận, xem xét đến sự trùng hợp chấp nhận những giới hạn sinh học của một loài dịch hại. Những giới hạn này có thể là địa giới hành chính (ví dụ; quốc gia, tỉnh hoặc xã), những đặc điểm tự nhiên (ví dụ: các con sông, biển cả, dãy núi, con đường) hoặc các ranh giới sở hữu mà nó cách biệt với tất cả các bên. Với các lý do thực tế khác nhau, điều này cũng có thể được quyết định để thiết lập một VKNDH bên trong một vùng được coi là không nhiễm dịch hại, vì vậy không cần phải khoanh vùng chính xác các giới hạn thực của VKNDH.

5.2 Sự thiết lập và duy trì một VKNDH

Có ba phần chính trong việc thiết lập và duy trì một VKNDH. Đó là:

- hệ thống để thiết lập VKNDH
- biện pháp KDTV để duy trì VKNDH
- kiểm tra để xác minh VKNDH được duy trì.

Bản chất của các phần này sẽ khác nhau tùy theo:

- đặc tính sinh học của dịch hại bao gồm:
 - khả năng sống sót
 - tỉ lệ sinh sản
 - các phương thức phát tán
 - các cây ký chủ sẵn có v.v...
- các đặc điểm của VKNDH bao gồm:
 - quy mô
 - mức độ cách ly
 - điều kiện sinh thái
 - tính thuần nhất v.v...
- mức độ an toàn KDTV theo yêu cầu liên quan đến mức độ đánh giá nguy cơ phù hợp với sự phân tích nguy cơ dịch hại đã thực hiện.

Tiêu chuẩn về biện pháp KDTV TCVN 6908 : 2001 và TCVN 7516 : 2005, cung cấp thêm chi tiết cho các yêu cầu giám sát tổng thể và điều tra cụ thể.

5.2.1 Hệ thống thiết lập VKNDH

Hai hệ thống cung cấp dữ liệu đã được công nhận, thông qua việc thay đổi hoặc kết hợp hai hệ thống trên có thể được sử dụng. Bao gồm:

- giám sát tổng thể
- điều tra cụ thể.

5.2.1.1 Giám sát tổng thể

Việc giám sát này bao gồm việc sử dụng tất cả các nguồn dữ liệu như các TCBVTVQG, các tổ chức quốc gia và chính quyền địa phương, viện nghiên cứu, trường đại học, các hiệp hội khoa học (gồm cả

TCVN 7515 : 2005

các chuyên gia nghiệp dư), các nhà sản xuất, các chuyên gia, bảo tàng và cộng đồng khác. Thông tin có thể được thu thập từ:

- tạp chí thương mại và khoa học
- dữ liệu lịch sử chưa công bố
- quan sát thực tế.

5.2.1.2 Điều tra cụ thể

Việc điều tra này có thể là phát hiện hay điều tra khoanh vùng. Điều tra cụ thể là việc điều tra chính thức và phải tuân theo một kế hoạch được TCBVTVQG phê chuẩn.

5.2.2 Biện pháp KDTV để duy trì VKNDH

Các biện pháp cụ thể có thể được sử dụng để ngăn chặn sự du nhập và lan rộng của dịch hại bao gồm:

- hoạt động có tính pháp lý như:
- đưa một loài dịch hại vào danh mục đối tượng KDTV
- xác định các yêu cầu nhập khẩu vào một quốc gia hay một vùng
- hạn chế sự di chuyển đối với những sản phẩm nhất định trong các vùng của một hay nhiều quốc gia bao gồm cả những vùng đệm
- theo dõi thường xuyên
- phổ biến kinh nghiệm cho các nhà sản xuất.

Việc áp dụng các biện pháp KDTV để duy trì tình trạng không nhiễm dịch hại chỉ được chứng minh trong một VKNDH, hoặc bất cứ địa phận nào của một VKNDH, nơi mà các điều kiện sinh thái phù hợp để dịch hại thiết lập.

5.2.3 Kiểm tra để xác minh VKNDH đã được duy trì

Để có thể xác minh tình trạng không nhiễm dịch hại của một VKNDH và cho mục đích quản lý trong nước, tình trạng không nhiễm dịch hại phải tiếp tục được kiểm tra sau khi VKNDH được thiết lập và các biện pháp KDTV để duy trì VKNDH này. Việc tăng cường sử dụng các hệ thống kiểm tra phải liên quan đến an toàn KDTV được yêu cầu. Việc kiểm tra này có thể gồm:

- kiểm tra đặc biệt các chuyến hàng xuất khẩu
- yêu cầu các nhà nghiên cứu, tư vấn hoặc thanh tra phải thông báo cho TCBVTVQG về bất cứ sự xuất hiện nào của dịch hại
- điều tra theo dõi.

5.3 Tài liệu chứng minh và rà soát

Việc thiết lập và duy trì đối với một VKNDH phải được báo cáo đầy đủ bằng văn bản và được rà soát định kỳ.

Với bất kỳ kiểu VKNDH nào, cần sẵn có tài liệu, phù hợp về:

- tập hợp dữ liệu để thiết lập VKNDH
- thủ tục hành chính khác nhau được thực hiện để hỗ trợ đối với VKNDH
- sự khoanh vùng của VKNDH
- quy định về KDTV đã áp dụng
- chi tiết kỹ thuật giám sát, hoặc điều tra và hệ thống theo dõi đã sử dụng.

Điều này có thể có ích cho một TCBVTVQG để gửi tài liệu về một VKNDH tới một cơ quan thông tin trung tâm (Tổ chức nông lương thế giới hoặc Tổ chức bảo vệ thực vật vùng), với tất cả các chi tiết có liên quan, sao cho thông tin có thể được truyền tới tất cả các TCBVTVQG khi có yêu cầu.

Khi một VKNDH yêu cầu các biện pháp tổng thể để thiết lập và duy trì nhằm cung cấp một mức độ an toàn KDTV cao, có thể cần đến một kế hoạch hành động trên cơ sở thoả thuận song phương. Một kế hoạch như vậy sẽ liệt kê các chi tiết, cụ thể của các hoạt động đã yêu cầu trong hoạt động của VKNDH bao gồm vai trò, trách nhiệm của các nhà sản xuất và kinh doanh của quốc gia nơi có VKNDH. Các hoạt động sẽ được rà soát, đánh giá thường xuyên và các kết quả có thể là một phần của kế hoạch đó.

6 Yêu cầu cụ thể cho các kiểu của VKNDH khác nhau

Thuật ngữ "vùng không nhiễm dịch hại" bao gồm toàn bộ các kiểu của VKNDH. Để thuận lợi, các yêu cầu của các VKNDH được thảo luận bằng cách chia thành 3 kiểu VKNDH:

- toàn bộ một quốc gia
- một địa phận không nhiễm dịch của một quốc gia trong đó tồn tại một vùng nhiễm dịch hạn chế
- một địa phận của một quốc gia không nhiễm dịch nằm trong một vùng bị nhiễm dịch chung.

Trong từng trường hợp đó, VKNDH có thể, ở những nơi thích hợp, liên quan đến toàn bộ hoặc một địa phận của nhiều quốc gia. Các yêu cầu cụ thể với ba kiểu VKNDH đã thảo luận dưới đây.

6.1 Toàn bộ quốc gia

Trong trường hợp này, một quốc gia hoàn toàn không nhiễm một loài dịch hại cụ thể áp dụng cho vùng lãnh thổ mà ở đó TCBVTVQG chịu trách nhiệm.

Yêu cầu này có thể bao gồm:

6.1.1 Hệ thống để thiết lập VKNDH

Dữ liệu từ việc giám sát tổng thể và điều tra cụ thể có thể được chấp nhận. Sự khác nhau là ở chỗ chúng có thể cung cấp các loại hoặc các mức độ an toàn KDTV khác nhau.

6.1.2 Biện pháp KDTV để duy trì VKNDH

Nội dung này có thể xem ở 5.2.2

6.1.3 Kiểm tra để xác minh sự không nhiễm dịch hại được duy trì

Nội dung này có thể xem ở 5.2.3

6.1.4 Tài liệu chứng minh và rà soát

Nội dung này có thể xem ở 5.3

6.2 Địa phận không nhiễm dịch của một quốc gia trong đó tồn tại một vùng nhiễm dịch hạn chế

Trong trường hợp này, sự phân bố của dịch hại bị hạn chế ở một địa phận nào đó trong một quốc gia như đã được TCBVTVQG xác định. Biện pháp kiểm soát chính thức được áp dụng để kiểm chế sự phát tán của dịch hại. VKNDH có thể là toàn bộ hoặc địa phận nào đó của VKNDH.

Yêu cầu có thể bao gồm:

6.2.1 Hệ thống để thiết lập VKNDH

Thông thường, các tình trạng VKNDH được dựa trên sự xác minh từ việc điều tra cụ thể. Một điều tra khoanh vùng chính thức có thể sử dụng để xác định phạm vi bị nhiễm dịch và một điều tra phát hiện chính thức có thể được yêu cầu trong VKNDH để xác minh sự không có mặt của dịch hại.

Giám sát tổng thể (xem 6.1.1 ở trên) cũng có thể áp dụng cho một địa phận của quốc gia không nhiễm dịch nơi một vùng nhiễm dịch hạn chế có mặt, nếu thích hợp.

6.2.2 Biện pháp KDTV để duy trì VKNDH

Các biện pháp này có thể bao gồm các nội dung trong 5.2.2. Với kiểu VKNDH này, các quy định KDTV có thể cũng được yêu cầu trong khi vận chuyển hàng hóa ra khỏi vùng nhiễm dịch hại đến VKNDH nhằm ngăn chặn sự lan rộng của dịch hại như đã nêu trong 5.2.2.

6.2.3 Việc kiểm tra để xác minh VKNDH được duy trì

Nội dung này có thể bao gồm những nội dung nêu trong 5.2.3. Điều tra theo dõi đối với VKNDH này có ý nghĩa hơn so với VKNDH khác trong toàn bộ quốc gia.

6.2.4 Tài liệu chứng minh và rà soát

Tài liệu có thể bao gồm bằng chứng hỗ trợ mô tả biện pháp kiểm soát chính thức theo kết quả điều tra, các quy định KDTV và thông tin về TCBVTVQG như đã nêu trong 5.3.

6.3 Địa phận không nhiễm dịch của một quốc gia nằm trong một vùng bị nhiễm dịch chung

VKNDH này là của một vùng trong một vùng bị nhiễm dịch chung đã xác định (hoặc đã cho thấy như vậy) không nhiễm một loài dịch hại cụ thể. Vùng này được duy trì không nhiễm dịch hại vì vậy một quốc gia xuất khẩu có thể sử dụng nội dung này làm căn cứ để chứng nhận KDTV đối với các thực vật và/hoặc sản phẩm thực vật.

Trong các trường hợp nhất định, một VKNDH có thể được thiết lập trong một vùng mà tình trạng nhiễm dịch của vùng đó không dựa trên kết quả điều tra cụ thể.

VKNDH phải được cách ly đầy đủ liên quan đến đặc tính sinh học của dịch hại.

Yêu cầu phải bao gồm:

6.3.1 Hệ thống để thiết lập VKNDH

Điều tra khoanh vùng và điều tra phát hiện sẽ được yêu cầu đối với kiểu VKNDH này.

6.3.2 Biện pháp KDTV để duy trì VKNDH

Các biện pháp này có thể bao gồm các nội dung được nêu trong 5.2.2. Với kiểu VKNDH này, các quy định KDTV có thể cũng được yêu cầu trong việc vận chuyển hàng hóa ra khỏi vùng nhiễm dịch hại đến VKNDH nhằm ngăn chặn sự lan rộng của dịch hại như đã nêu trong 5.2.2.

6.3.3 Kiểm tra để xác minh VKNDH được duy trì

Nội dung này có thể bao gồm những nội dung nêu trong 5.2.3. Tiếp tục các việc điều tra theo dõi là một yêu cầu hợp lý đối với kiểu VKNDH này.

6.3.4 Tài liệu chứng minh và rà soát

Tài liệu có thể bao gồm bằng chứng hỗ trợ mô tả biện pháp kiểm soát chính thức như kết quả điều tra, các quy định KDTV và thông tin về TCBVTVQG đã nêu trong 5.3. Vì kiểu VKNDH này có liên quan đến một thoả thuận giữa các bên thương mại, nên việc thực hiện này có thể cần được TCBVTVQG của nước nhập khẩu rà soát và đánh giá lại.